

Số: 119/BC - BDT

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 7 năm 2020

## BÁO CÁO

### **Kết quả 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp**

Thực hiện Công văn số 1856/SNV-TCBM ngày 01/7/2020 của Sở Nội vụ về việc báo cáo đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; Ban Dân tộc báo cáo như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CƠ QUAN**

Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, tham mưu thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác Dân tộc và thực hiện chính sách Dân tộc trên địa bàn tỉnh và thực hiện những nhiệm vụ khác được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

- Tổ chức bộ máy: Lãnh đạo Ban Dân tộc gồm: 03 người (01 Trưởng Ban và 02 Phó Trưởng Ban); có 03 phòng chức năng: Thanh tra Ban; Phòng Kế hoạch - Chính sách; Phòng Tuyên truyền và Địa bàn. Biên chế là 14 định biên và 01 hợp đồng Lái xe theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ; cán bộ nữ có 06 người; dân tộc thiểu số có 06 người (dân tộc Chăm 05, dân tộc Raglai 01); có 9 Đảng viên, trong đó có 02 nữ; trình độ đại học và cao đẳng 13 người, số còn lại là trung cấp. Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 01 người, Cao cấp 05 người, trung cấp 03 người.

- Nhìn chung việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, Thủ trưởng đơn vị tổ chức triển khai, quán triệt Kết luận số 114-KL/TW gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận ở cơ quan cơ bản thuận lợi; cơ quan có tổ chức bộ máy tinh gọn, cán bộ, đảng viên, công chức ít, không có đơn vị trực thuộc.

Tất cả cán bộ, đảng viên, công chức trong cơ quan đều chấp hành nghiêm túc, tham gia học tập, quán triệt Kết luận số 114-KL/TW gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận ở cơ quan do Cấp ủy cấp trên và Cấp ủy Chi bộ, lãnh đạo cơ quan tổ chức.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW**

##### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện**

**1.1. Công tác quán triệt triển khai Kết luận số 114-KL/TW gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận của cấp ủy, cơ quan**

Cấp ủy, Lãnh đạo Ban Dân tộc đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 114-KL/TW; Quyết định số 290-QĐ/TW của Ban Bí thư, các Chỉ thị, Nghị

quyết của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận<sup>1</sup>. Cùng với công tác tuyên truyền, Cấp ủy, lãnh đạo cơ quan đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai các chủ trương, chính sách liên quan đến việc triển khai thực hiện QCDC tại đơn vị gắn với việc đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII); thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

Qua đó đã nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị cơ quan và các chương trình chính sách dân tộc luôn gắn với thực hiện tốt Kết luận số 114-KL/TW về công tác dân vận tại cơ quan.

## **1.2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW tại đơn vị**

Ban Dân tộc đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 25/KH-BDT ngày 03/4/2017, triển khai kế hoạch thực hiện dân vận chính quyền giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 31/KH-BDT ngày 16/5/2017, triển khai thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII và Quyết định số 646-QĐ/TU ngày 23/11/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác dân vận đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, giai đoạn 2016-2020; chỉ đạo cán bộ, công chức trong thực hiện chức năng nhiệm vụ được phân công, luôn gắn với công tác dân vận, nhằm tạo sự đồng cao trong đồng bào DTTS, góp phần thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

## **1.3. Công tác kiểm tra, giám sát Kết luận số 114-KL/TW**

Hàng năm được kiểm tra, giám sát lồng ghép vào nhiệm vụ chính trị và thông qua các quy chế làm việc của cơ quan.

## **2. Kết quả thực hiện Kết luận số 114-KL/TW**

### **2.1. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận**

- Triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và tác động chính sách, pháp luật đến sự phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về “tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”; Chỉ thị số 37-CT/TU, ngày 11/5/2017 về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp; Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 8/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII và Quyết định số 646-QĐ/TU ngày 23/11/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác dân vận đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 833/KH-UBND ngày 15/3/2017 về triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2017 – 2020; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về Quy chế dân chủ cơ sở đến công chức, đảng viên, người lao động toàn đơn vị

Xác định rõ công tác dân vận là trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, mọi cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước đều phải làm công tác dân vận theo chức trách của mình, Ban Dân tộc đã phân công 01 Phó Trưởng ban phụ trách và cán bộ theo dõi công tác dân vận của cơ quan, triển khai quán triệt nhằm thực hiện có hiệu quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cấp ủy, lãnh đạo đơn vị luôn xác định công tác vận động đồng bào DTTS là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, có ý nghĩa quan trọng đến công tác triển khai các chủ trương, chính sách dân tộc; Ban Dân tộc phối hợp với các Sở, ban ngành tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép triển khai thực hiện nhiều chương trình chính sách và ban hành chương trình, kế hoạch về công tác dân tộc như<sup>2</sup>: Thông qua thực hiện các chính sách, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo

---

<sup>2</sup> Kế hoạch số 2409/KH-UBND ngày 25/5/2012 về triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Kế hoạch số 1589/KH-UBND ngày 04/4/2014, về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 1138/KH-UBND ngày 23/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về thực hiện Chỉ thị 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Kế hoạch số 4700/KH-UBND ngày 09/11/2011 về triển khai thực hiện Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 23/5/2017, về triển khai thực hiện Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số”; Kế hoạch số 2144/KH-UBND ngày 28/5/2018 về triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Kế hoạch số 2120/KH-UBND ngày 06/6/2016, về phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm an ninh, trật tự xã hội đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới; Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 5086/KH-UBND ngày 15/12/2016 đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 797/KH-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 796/KH-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ năm 2018; Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 22/9//2017 về việc thực hiện Dự án án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 572/KH-UBND ngày 24/02/2017, về triển khai thực hiện Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 16/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2017-2018; Kế hoạch số 786/KH-UBND ngày 04/3/2019 thực hiện Quyết định số 45/QĐ -TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021; Kế hoạch số 3874/KH-UBND ngày 05/10/2015, về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn I)”; Kế hoạch số 3131/KH-UBND ngày 03/8/2017, về xây dựng thôn đồng bào dân tộc kiêu mẫu, tại thôn Suối Rớ, xã Phước Chính, huyện Bác Ái, giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 4114/KH-UBND ngày 03/10/2017, về triển khai thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-UBND của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2017-2021; Quyết định số 96/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh ban hành Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2017-2020; Quyết định 71/2016/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 23/6/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận, quy định chính



quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự nỗ lực vươn lên của người dân, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS hàng năm giảm từ 3- 4%; (trong đó huyện nghèo 30a Bắc Ái giảm bình quân 5%/năm); trình độ dân trí và năng lực quản lý, điều hành của hệ thống chính trị, đặc biệt là chính quyền cấp xã được nâng lên; cơ cấu kinh tế đã có sự chuyên dịch theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với phát triển các sản phẩm tiềm năng, lợi thế của vùng; bản sắc văn hóa được phát huy, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đồng bào các dân tộc trong tinh thần khởi trước sự đổi mới và phát triển của tỉnh nhà, và tin tưởng tuyệt đối vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

- Lãnh đạo thực hiện có hiệu quả 12 chương trình phối hợp công tác với các Sở, ban ngành và các tổ chức chính trị-xã hội<sup>3</sup>. Thông qua các chương trình phối hợp đã phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

## **2.2. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận, gắn với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, cán bộ, công chức**

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới”; Chỉ thị số 37-CT/TU, ngày 11/5/2017 về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp; Chỉ thị số 57-CT/TU, ngày 03/9/2014 của Ban Thường vụ tỉnh ủy gắn với thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg, ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp”. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Bộ Chính trị về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hoá” trong nội bộ, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Hàng năm Ban Dân tộc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện dân vận chính quyền; xác định nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận trong vùng đồng bào DTTS; các chương trình chính

---

sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 3294/KH-UBND ngày 08/8/2019, triển khai thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2025” và Kế hoạch số 3313/KH-UBND ngày 05/8/2019, về phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc Raglai tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

<sup>3</sup> Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc với Ban An Toàn Giao Thông; Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc Hội đồng Nhân dân tỉnh với Ban Dân tộc tỉnh; Chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Khoa học & Công nghệ với Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch phối hợp giữa Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với Ban Dân tộc tỉnh; Chương trình phối hợp Ban Dân tộc và Ủy ban MTTQVN; Chương trình Phối hợp giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Ban Dân tộc tỉnh; Kế hoạch Phối hợp hoạt động giữa Hội Nông dân với Ban Dân tộc tỉnh; Chương trình phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với Sở Tư pháp; Chương trình phối hợp Ban Dân tộc với Hội Chữ thập đỏ tỉnh; Chương trình phối hợp Ban Dân tộc và Bộ Chỉ huy Biên phòng; Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc với Sở Giáo dục và Đào tạo.

sách, dự án đầu tư vùng đồng bào dân tộc và miền núi được đơn vị công khai từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện; trong quá trình thực thi công vụ, cán bộ, công chức luôn nâng cao tinh thần phục vụ và ý thức trách nhiệm trong việc tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng luật định; khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân, luôn tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; góp phần thay đổi tư duy, nhận thức về nhiệm vụ công chức Nhà nước là “*Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”. Qua đó góp phần phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong cơ quan; phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân, củng cố được niềm tin của đồng bào DTTS đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

### **2.3. Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan**

- Thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 20/01/2015 của Chính phủ, hàng năm đơn vị rà soát hoàn thiện và đưa vào thực hiện các Quy chế: Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế làm việc, Quy chế Chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế Văn thư lưu trữ, Quy chế tiếp công dân, Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn, Quy chế phối hợp giữa Chính quyền và Công đoàn, Quy chế thu chi tài chính công đoàn. Hàng tháng, quý, tổ chức sinh hoạt cán bộ, công chức công khai các hoạt động cơ quan; công khai tài chính, công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; định kỳ hàng quý chính quyền phối hợp với công đoàn tổ chức đối thoại, lắng nghe ý kiến tâm tư, nguyện vọng, giải đáp ý kiến của cán bộ, công chức theo quy định. Nhìn chung cán bộ, công chức chấp hành thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế cơ quan ban hành.

- Công tác dân vận cơ quan đã chú trọng gắn xây dựng với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của người dân, Người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tham gia giám sát thực hiện các chính sách dân tộc, giải quyết những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của người dân; tham gia giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức.

### **2.4. Kết quả thực hiện tiếp công dân, đối thoại, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại tố cáo, các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài**

- Kết quả tiếp công dân, thực hiện việc tiếp công dân theo Quy chế, Quyết định số 09/QĐ-BĐT ngày 05/02/2018 của Trưởng Ban Dân tộc; bố trí công chức tiếp công dân thường xuyên; lãnh đạo Ban trực tiếp công dân mỗi tháng/kỳ. Nhìn chung đơn vị ít tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo; các đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của người dân không thuộc thẩm quyền, đơn vị hướng dẫn người dân đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

Ngoài ra, Ban Dân tộc lập, công khai số điện thoại đường dây nóng; bố trí công chức có trách nhiệm trực và tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân thông qua đường dây nóng,...: công khai số điện thoại đường dây nóng trên Trang thông tin điện của Ban; phân công Phó Chánh Thanh tra trực tiếp, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và thực hiện cung cấp thông tin.

- Giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo: các đơn thư tố cáo, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của người dân được đơn vị giải quyết kịp thời, không để tồn đọng



kéo dài và nếu đơn thư không thuộc thẩm quyền của đơn vị, thì đơn vị hướng dẫn người dân đến đúng nơi có thẩm quyền để giải quyết.

- Công tác đối thoại của người đứng đầu cơ quan với người dân và cán bộ, công chức: Lãnh đạo Ban trực tiếp công dân mỗi tháng/kỳ; hàng quý lãnh đạo cơ quan, Ban chấp hành công đoàn tổ chức sinh hoạt, đối thoại với cán bộ, công chức; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải đáp các ý kiến của cán bộ, công chức.

- Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài: không có

## **2.5. Kết quả thực hiện cải cách hành chính**

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương phê duyệt. Hiện đại hóa cải cách hành chính trong quản lý phần mềm văn bản và hồ sơ công việc, đánh giá công chức, kế toán, hệ thống thư điện tử của tỉnh, công thông tin điện tử Ban Dân tộc...; các quy trình thực hiện được hệ thống theo tiêu chuẩn ISO. Đẩy mạnh đổi mới lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001: 2008 vào thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc.

- Thủ tục hành chính về đề nghị công nhận và đưa ra khỏi danh sách Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Niêm yết công khai đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan và Trang thông tin điện tử cơ quan.

- Lãnh đạo Ban thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức nâng cao đạo đức công vụ, ý thức phục vụ nhân dân; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy, Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 10/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; 100% cán bộ, công chức cơ quan ký cam kết không uống rượu bia (hoặc các loại đồ uống khác có nồng độ cồn tương đương) trong giờ làm việc, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc. Từ đó làm chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của công chức trong cơ quan. Qua kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được CBCC cơ quan thực hiện nghiêm túc; không có cán bộ, công chức vi phạm uống rượu, bia trong giờ làm việc; không có công chức có hành vi cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, gây phiền hà cho nhân dân. Cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc đạo đức công vụ, văn hóa công sở.

**2.6. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.**

Triển khai và thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 92-KH/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 110-KH/BCS ngày 30/3/2018 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh

về việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy. Đến nay, cơ quan từ 04 phòng theo Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 còn 03 phòng theo Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, gồm: Phòng Thanh tra, Phòng Tuyên truyền- Địa bàn và Phòng Kế hoạch-Chính sách. Thực hiện Kế hoạch số 37-KH/TU, ngày 31/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức. Đến nay đơn vị đã thực hiện tinh giản 02/16 biên chế đạt 12,5% kế hoạch, vượt chỉ tiêu đề ra so với kế hoạch đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% biên chế.

## **2.7. Kết quả thực hiện phong trào thi đua yêu nước, dân vận khéo.**

-Thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước: Phối hợp với các Sở, Ban, ngành trong khối phát động các phong trào thi đua; đăng ký các chỉ tiêu thi đua; kiểm tra, chấm điểm công tác thi đua và tham gia tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết trong các cơ quan nội khối. Vận động công chức đơn vị hưởng ứng các cuộc vận động đóng góp các quỹ xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

- Về kết quả "Dân vận khéo": Ngoài việc vận động công chức đơn vị tham gia các phong trào thi đua do cấp trên, các đơn vị trong tỉnh phát động; Ban Dân tộc phối hợp với các đơn vị, địa phương vận động đồng bào DTTS triển khai thực hiện mô hình điểm "Thôn đồng bào dân tộc kiều mẫu" thôn Suối Rớ xã Phước Chính, mô hình "Câu lạc bộ giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống", hiện đang tiếp tục triển khai các mô hình điểm trên đến năm 2020 và tiếp tục sơ kết đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình. Qua đó góp phần xây dựng phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi; phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân, củng cố niềm tin của đồng bào DTTS đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

## **2.8. Công tác phối hợp tạo điều kiện để MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền vững mạnh**

Cấp uỷ chỉ đạo lãnh đạo cơ quan ký kết các chương trình phối hợp; phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tạo điều kiện, thực hiện các yêu cầu của Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội trong quá trình giám sát, phản biện xã hội những nội dung có liên quan trong Quy chế, Quy định về hoạt động giám sát, hoạt động phản biện xã hội; xem xét, trả lời kiến nghị từ kết quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội theo quy định của pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cũng đã tích cực tham gia có hiệu quả việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát động các phong trào thi đua vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên toàn tỉnh, nhằm khơi dậy và phát huy lòng yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc, xây dựng nếp sống văn hóa của đồng bào, góp phần thúc đẩy

sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đạt được**

Qua 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; nhận thức của các cấp chính quyền, cán bộ, công chức được nâng cao; tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức; gắn thực hiện công tác dân vận với thực hiện QCDC và các phong trào thi đua yêu nước nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh vùng đồng bào DTTS và miền núi; công tác cải cách hành chính đã được tiếp tục đẩy mạnh thực hiện, thông qua đó, việc giải quyết công việc hàng ngày cho nhân dân đã được thực hiện tốt; đảm bảo công khai, minh bạch; chống hành vi sách nhiễu nhân dân. Công tác tổ chức đối thoại trực tiếp với công dân theo định kỳ và đột xuất, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân được các cơ quan, quan tâm và thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Qua đó các cơ quan đã thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Các chương trình, dự án vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc thiểu số đẩy mạnh phát triển kinh tế từng bước giảm nghèo bền vững; công tác phối hợp nắm tình hình và tham mưu giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc có liên quan đến chính sách dân tộc được các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết kịp thời, thấu tình, đạt lý. Ý thức của đồng bào các dân tộc miền núi trong việc chủ động phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc; tham gia giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương ngày càng được nâng cao.

Đạt được kết quả nêu trên là nhờ sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy, lãnh đạo cơ quan đã chủ động xây dựng các kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện công tác dân vận. Sự thay đổi tư duy, nhận thức về nhiệm vụ công chức Nhà nước là “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”; chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy chính quyền các cấp. Dân chủ ở cơ sở thực sự đi vào cuộc sống, tác động tích cực tới nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, củng cố, tăng cường hệ thống chính trị ở cơ sở, thúc đẩy nhanh tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

#### **2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

Tổ chức bộ máy cơ quan ít cán bộ, công chức; việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về công tác dân vận vùng dân tộc thiểu số miền núi của cơ quan, có lúc, có nơi chưa kịp thời.

Công tác phối hợp giữa các Sở, ngành và địa phương để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tự lực phấn đấu vươn lên, chủ động trong phát triển sản xuất chưa thường xuyên, sâu sát. Nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đầu tư phát triển vùng dân tộc miền núi vẫn còn thấp so với nhu cầu. Việc huy động nguồn vốn khác cho việc thực hiện chương trình, chính sách còn nhiều khó



khăn, đầu tư còn dàn trải. Kinh tế ở vùng đồng bào các dân tộc miền núi phát triển còn chậm và chưa bền vững; đời sống của đồng bào được cải thiện so với trước nhưng nhìn chung vẫn còn khó khăn.

Ngoài nguyên nhân yếu tố khách quan, nguyên nhân chủ quan đó là một bộ phận cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về công tác dân vận, còn xem nhẹ, né tránh, coi công tác dân vận là của đoàn thể, không gắn với nhiệm vụ chuyên môn; nội dung và phương thức triển khai công tác dân vận, chậm đổi mới; cán bộ, công chức phụ trách công tác dân vận tại đơn vị, địa phương còn hạn chế về kỹ năng, nghiệp vụ, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm nên công tác dân vận tại một số đơn vị, địa phương chưa đạt hiệu quả cao.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Thực hiện công tác dân vận của hệ thống chính trị phải gắn liền với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội và nâng cao đời sống nhân dân, thực tiễn cho thấy nơi nào Đảng, chính quyền thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, biết chăm lo phát triển kinh tế- xã hội thì nơi đó đời sống nhân dân được cải thiện, đoàn kết nội bộ nhân dân được gắn bó, an ninh nông thôn ổn định, tình làng nghĩa xóm thân thiện, bộ mặt nông thôn khởi sắc.

- Tổ chức Đảng, Chính quyền, phải luôn được đổi mới cho phù hợp với tình hình. Cán bộ làm công tác dân vận phải nắm rõ chủ trương, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân vùng đồng bào dân tộc, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, nhằm phát huy, sử dụng nguồn cán bộ tại chỗ.

- Chủ động và khai thác những tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, giúp đồng bào dân tộc trên địa bàn ổn định cuộc sống để từng bước vươn lên.

- Tranh thủ vai trò Người có uy tín vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tham gia giải quyết các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột liên quan đến an ninh nông thôn trong cùng một địa phương hoặc giữa địa phương này với địa phương khác thì hiệu quả nhanh và vững chắc.

## **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận.

2. Tiếp tục bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn chăm lo và bảo vệ lợi ích của cán bộ công chức đơn vị và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

3. Chủ động quán triệt sâu rộng và thể chế hóa kịp thời, đồng bộ các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng về dân vận, chính sách của Nhà nước đến toàn thể cán bộ công chức đơn vị tư duy về công tác dân vận hiện nay;

4. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, để công tác dân vận ngày càng được triển khai sâu rộng trong đơn vị và vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

5. Thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng, củng cố bộ máy làm công tác dân vận của cơ quan, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời kỳ hội nhập toàn cầu ngày nay.

Trên đây là báo cáo 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp, Ban Dân tộc báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Lãnh đạo Ban (b/c);
- Lưu: VT, TTĐB.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bà Bình Yên**